

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT VÀ VIỆT NAM HỌC TRÊN THẾ GIỚI

THE CURRENT TEACHING VIETNAMESE STUDIES AND VIETNAMESE LANGUAGE IN THE WORLD

*Phan Thị Yến Tuyết**

Không ít câu hỏi được nêu lên vì sao Việt Nam chỉ là một đất nước nhỏ nhưng tiếng Việt và Việt Nam học lại được quan tâm tại nhiều quốc gia trên thế giới? Hiện nay, có khoảng gần 4 triệu người Việt Nam đang sống rải rác trên hơn 100 quốc gia trên thế giới. Hiện nay hơn chín mươi quốc gia trên thế giới có sự hiện diện của những cộng đồng người Việt. Về mặt học thuật, việc giảng dạy, nghiên cứu tiếng Việt và Việt Nam học đã có những tên gọi mang dấu ấn khác nhau về cách nhìn (như Đông Phương học, Châu Á học, Khu vực học, Việt học, Việt Nam học,...) đã thúc đẩy sự lý giải, nghiên cứu Việt Nam học. Như vậy, đặc điểm của tình hình giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học trên thế giới đã bao hàm nhiều sắc thái về lịch sử, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khu vực học (Area Studies) chỉ mới bắt đầu từ khi chủ nghĩa tư bản phát triển và đại cách mạng ở châu Âu, đặc biệt vào thế kỷ XIX. Đến thế kỷ XIX, XX nhu cầu hiểu biết về thế giới nhằm phục vụ cho mục đích chinh phục thuộc địa đã thôi thúc các nước lớn ở châu Âu lập những trung tâm nghiên cứu về khu vực học, mà trước hết là ngành Đông Phương học. Sau Thế chiến lần thứ 2, khi thế giới phân làm hai cực, tại Liên Xô (Nga) và Mỹ (cùng một số quốc gia khác) đã mở ra nhiều trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu, các khoa trong những trường đại học nghiên cứu và giảng dạy về Khu vực học (Area studies)¹. Dưới góc độ khu vực, bài này trình bày khái quát về tình hình giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực Đông Á (như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc), khu vực Đông Nam Á, khu vực Châu Âu (như Liên Xô/Nga, Đức, Ba Lan, Cộng hòa Sec, Pháp, Hà Lan, Anh, Đan Mạch), khu vực Bắc Mỹ (như Hoa Kỳ), khu vực Châu Đại Dương (như Úc),...

- Đặc điểm lịch sử, chính trị, quân sự

Chiến tranh tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ XIX đến năm 1975 là một trong những nguyên nhân khiến các quốc gia liên quan đến Việt Nam đều có nhu cầu giảng dạy, học tập tiếng Việt và nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Các nhóm quốc gia liên quan này khá đa dạng với những thời kỳ khác nhau, xu hướng chính trị khác nhau, mục tiêu khác nhau, như nhóm quốc gia thực dân phương Tây như Pháp,...; nhóm các quốc gia Trung Quốc, Nga (Liên Xô cũ), Đông Đức, Ba Lan, Bulgaria, Hungary, Tiệp Khắc,...; nhóm gồm Hoa Kỳ cùng các nước đồng minh của họ có quân đội tham chiến tại Việt Nam

* Phó Giáo sư.Tiến sĩ, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

¹ Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học*, NXB Giáo Dục, tr.71.

như Australia, Hàn Quốc,...; ngoài ra, còn có những quốc gia khác ở Đông Nam Á liên quan đến chiến tranh Việt Nam... Theo thống kê của GS David Marr trong *Thư mục Việt Nam*, 1992, đã có 577/992 công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài về chiến tranh ở Việt Nam, chiếm tỉ lệ 55% trên tổng số công trình thuộc đề tài này. Còn riêng chủ đề chiến tranh Đông Dương ở Việt Nam, theo báo cáo của Alain Russio có 10.308/11.702 công trình do các nhà khoa học nước ngoài nghiên cứu, chiếm tỉ lệ 88,5%...². Điều này cho thấy việc quan tâm nghiên cứu về chiến tranh ở Việt Nam chiếm tỉ lệ rất cao trong giới học thuật nước ngoài. Nhu cầu học tiếng Việt không chỉ diễn ra trong thời gian Việt Nam có chiến tranh mà còn sau khi chiến tranh chấm dứt do những hệ quả nhất định của nó.

- **Đặc điểm kinh tế:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment, FDI) tại Việt Nam ngày càng tăng. Năm 2018, Hàn Quốc là đối tác đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam³. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lũy kế đến tháng 8/2018 có gần 90 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, vốn FDI đổ vào Việt Nam là 35,46 tỷ USD (theo báo cáo của Cục Đầu tư Nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong đó 10 quốc gia đầu tư FDI cao nhất tại Việt Nam theo thứ tự như sau: Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Quần đảo Virgin (BVI), Hồng Kông, Malaysia, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan. FDI quý I năm 2019 đạt kỷ lục về giá trị vốn đầu tư đăng ký so với cùng kỳ trong vòng 3 năm trở lại đây⁴. Chính hoạt động kinh tế đã đẩy mạnh nhu cầu giảng dạy, học tập tiếng Việt và Việt Nam học tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt những nước đầu tư FDI cao vào Việt Nam. Du lịch phát triển, trong đó người Việt Nam du lịch tập trung đông tại một số nước như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia, Hoa Kỳ, Úc, khối EU,... cũng là một trong những nguyên nhân đẩy mạnh nhu cầu học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam tại các quốc gia đó.

- **Đặc điểm đa văn hóa - xã hội**

Trong những xã hội đa văn hóa như Hoa Kỳ, Australia,... các chính sách cấp liên bang và cấp bang đều đánh giá được sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ trong sự đoàn kết quốc gia, sự kết hợp chặt chẽ của xã hội và sự tôn trọng quyền riêng tư. Những chính sách này cũng đã ảnh hưởng mạnh đến phương thức và sự thực thi các chính sách giáo dục cả ở cấp quốc gia lẫn cấp bang. Ví dụ, tại Australia, tiếng Việt được chọn là một trong số 8 ngôn ngữ chính được dạy ở trường học tại bang Victoria từ năm 1993 đến nay. Thời gian sau năm 1975, người Việt di dân tới nhiều quốc gia thuộc các khu vực khác nhau trên thế giới và trở thành những cộng đồng cư dân phát triển đông. Theo thống kê của Bộ Tư pháp Việt Nam, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong đó có hơn 80% trường hợp là kết hôn với công dân nước ngoài với số lượng đông nhất là Đài Loan (30%), Hàn Quốc (12,8%), Trung

² Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học*, NXB Giáo dục, tr.71.

³ Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê (BNEWS/TTXVN- Báo onlines của Thông tấn xã Việt Nam) và Báo điện tử của Đài Tiếng nói Việt Nam, <https://vov.vn/kinh-te/thi-truong/3546-ty-usd-von-fdi-va-viet-nam-nam-2018-856161.vov>.

⁴ Nguồn: Toplist, <https://toplist.vn/top-list/quoc-gia-co-von-dau-tu-truc-tiep-fdi-nhieu-nhat-o-viet-nam-13468.htm>.

Quốc (10,86%),... Đặc biệt, sau những cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam cùng nam giới của các quốc gia và vùng lãnh thổ ấy đã khiến thế hệ “con lai” ngày càng nhiều. Nhà nước Hàn Quốc và Đài Loan đã có những chính sách mang tính nhân văn, không muốn các thế hệ “con lai” bị mất cội nguồn, xa lìa văn hóa của tộc gốc của ông, cha mình nên họ chủ trương những chính sách mang tính nhân văn như dạy tiếng Việt cho con em người Việt đang sinh sống thường trú tại Hàn Quốc, Đài Loan,...

- **Đặc điểm học thuật**, ngành học với những tên gọi mang dấu ấn khác nhau về cách nhìn như Đông Phương học, Châu Á học, Khu vực học, Việt học, Việt Nam học,... Ví dụ về khái niệm Đông Phương học (Oriental Studies) người Nhật phân biệt Đông Phương học Nhật Bản và Đông Phương học phương Tây. Trước kia, người Nhật xem Phương Đông là phần đất phía Đông so với châu Âu, như Trung Đông, Ấn Độ, đại lục Á châu và Nhật Bản. Theo họ, tuy Việt Nam không phải là một phần Đông Phương của Nhật Bản nhưng được Nhật coi như thuộc trong vành đai ấy. Về sau Đông phương học Nhật Bản và Đông phương học Pháp (đại diện là Trường Viễn Đông Bác cổ - EFEO) đã hợp tác để khai sinh thế hệ đầu tiên của những chuyên gia về Việt Nam học⁵. Còn khi nghiên cứu về Khu vực học (Area studies), tại Nhật Bản, giữa Khu vực học và Chiiki kenkyuu cũng có sự khác biệt cơ bản với giới học thuật phương Tây. Tại phương Tây khi nghiên cứu về một không gian đặc biệt nào đó các nhà khoa học thường đề cập dưới cái nhìn đa ngành, nhưng tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu không chú trọng vào một chuyên ngành nào mà họ đến từ sự hòa mình hoàn toàn trong ngôn ngữ và văn hóa của quốc gia đối tượng quan sát⁶.

Như vậy, đặc điểm của tình hình giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học trên thế giới đã bao hàm mọi sắc thái về lịch sử, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực này đều liên quan chặt chẽ đến Khu vực học.

Dưới đây là thông tin sơ nét của một số khu vực, trong đó có các quốc gia và vùng lãnh thổ về tình hình giảng dạy, học tập tiếng Việt và Việt Nam học:

TRUNG QUỐC

Tại Trung Quốc, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam được dạy và nghiên cứu ở nhiều trường đại học, học viện, viện nghiên cứu lớn, lâu đời ở Trung Quốc như Trường Đại học Bắc Kinh, Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh (tại Bắc Kinh có bốn trường đại học và hai viện nghiên cứu có chuyên ban, chuyên gia về Việt Nam học), Trường Đại học Kinh tế, Thương mại, Đối ngoại, các trường đại học ngoại ngữ ở những thành phố lớn như Thượng Hải, Quảng Tây (có 10 trường dạy tiếng Việt, như Học viện Sư phạm Quảng Tây, Học viện Sư phạm Dân tộc Quảng Tây, Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây, Học viện Ngoại ngữ Quảng Tây). Tỉnh Vân Nam có gần 10 cơ sở đào tạo tiếng Việt, như Trường Đại học Vân Nam, Trường Đại học Sư phạm Vân Nam, Trường Đại học Kinh tế và Tài chính Vân Nam,

⁵ Frédéric Roustan (2005), Tham luận tại Hội thảo khoa học về Á Châu - Réseau-Asie ngày 28-30 tháng 9 năm 2005 tại Paris, “Khái lược ngành Việt học (Việt Nam học) ở Nhật Bản”, Nguyễn Nam Trân biên dịch, tr.10.

⁶ Frédéric Roustan, Tài liệu đã dẫn.

Trường Đại học Dân tộc Vân Nam, Học viện Điền Tri, Học viện Kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp Vân Nam, Trường Đại học Nông nghiệp Vân Nam,... Tỉnh Quảng Đông có Trường Đại học Ngoại thương - Ngoại ngữ Quảng Đông. Tỉnh Hà Nam có hai cơ sở giảng dạy và nghiên cứu Việt Nam hoạt động rất mạnh là Đại học Trịnh Châu (từ 10 năm nay) và Học viện Ngoại ngữ Quân sự Lạc Dương,... Tại Tứ Xuyên có Trường Đại học Ngoại ngữ, Thành Đô có Học viện Thành Đô, Học viện Dương Sơn ở Hà Bắc; Đại học Trưng Khánh,... đều có cơ sở đào tạo tiếng Việt...⁷.

Bảng 1: Danh sách các trường đại học hệ chính quy dạy tiếng Việt tại Trung Quốc

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC (CHÍNH QUY) DẠY TIẾNG VIỆT TẠI TRUNG QUỐC			
STT	校名	University/College	TÊN TRƯỜNG
1	北京大学	Beijing University	Trường đại học Bắc Kinh
2	北京外国语大学	Beijing Foreign Studies University	Trường đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh
3	对外经济贸易大学 (北京)	University of International Business and Economics	Trường đại học Kinh tế Thương mại Đối ngoại (Quốc tế)
4	上海外国语大学	Shanghai International Studies University	Trường đại học Ngoại ngữ Thương Hải
5	广西大学	Guangxi University	Trường đại học Quảng Tây
6	广西师范学院	Guangxi Teachers College	Học viện Sư phạm Quảng Tây
7	广西民族师范学院	Guangxi National Teachers College	Học viện Sư phạm Dân tộc Quảng Tây
8	广西民族大学	Guangxi University for Nationalities	Trường đại học Dân tộc Quảng Tây
9	广西民族大学相思湖学院	Xiangshu of College Guangxi University for Nationalities	Trường đại học Dân tộc Quảng Tây- Học viện Hồ Tương Tư
10	广西民族大学漓江学院	Liang of College Guangxi Normal University	Trường đại học Sư Phạm Quảng Tây- Học viện Ly Giang
11	广西外国语学院	Guangxi University of Foreign Languages	Học viện Ngoại ngữ Quảng Tây
12	红河学院 (广西)	Honghe University	Học viện Hồng Hà (Quảng Tây)
13	云南师范大学	Yunnan Normal University	Trường đại học Sư phạm Vân Nam
14	云南财经大学	Yunnan University of Finance & Economics	Trường đại học Tài chính và Kinh tế Vân Nam
15	云南民族大学	Yunnan University for Nationalities	Trường đại học Dân tộc Vân Nam
16	云南农业大学	Yunnan Agricultural University	Trường đại học Nông nghiệp Vân Nam
17	云南大学滇池学院	Dianchi of College Yunnan University	Trường đại học Vân Nam- Học viện Điền Tri
18	西南林业大学	Southwest Forestry University	Trường đại học Lâm nghiệp Tây Nam
19	云南师范大学商学院	Yunnan Normal University Business school	Trường đại học Sư phạm Vân Nam- Học viện Kinh doanh
20	广东外语外贸大学	Guangdong University of Foreign Studies	Trường đại học Ngoại thương và Ngoại ngữ Quảng Đông
21	四川外国语大学成都学院	Chengdu of College Sichuan International Studies University	Trường đại học Ngoại ngữ Tứ Xuyên- học viện Thành Đô
22	四川外国语大学	Sichuan International Studies University	Trường đại học Ngoại ngữ Tứ Xuyên
23	唐山学院 (河北)	Tangshan University	Học viện Dương Sơn (Hà Bắc)

ghi chú: 1. Trong danh sách này chỉ tính các trường đại học thuộc đại học chính quy, tính đến năm 2017

2. danh sách này hầu như đã bao quát hết tất các trường đại học chính quy dạy tiếng Việt tại Trung Quốc, nhưng có thể còn chưa được đầy đủ, cho nên số liệu này chỉ mang tính chất tham khảo

3. Vì các trường đại học nêu trên đều không có tên tiếng Việt chính thức, nên phần tên tiếng Việt chỉ là dịch tạm để tham khảo thôi.

4. Nguồn tài liệu tham khảo: <http://kaoshi.edu.sina.com.cn/college/m/050223.shtml>

Thực hiện: Long Dian Jun (Tổng hợp), 2017.

ĐÀI LOAN (TRUNG QUỐC)

Đài Loan đặt quan hệ đầu tư thương mại với khu vực Đông Nam Á từ rất sớm, trong đó ưu tiên nhất là Việt Nam qua FDI. Quan hệ hôn nhân Việt - Đài phát sinh từ năm 1989 và phát triển mạnh gần đây. Nhu cầu hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam xuất phát từ trên 20 vạn người Việt Nam thường xuyên sinh sống, làm việc, học tập tại Đài Loan, hơn 30.000 doanh nhân Đài Loan sinh sống, làm ăn tại Việt Nam, Đài Loan là thị trường gửi

⁷ Long Dian Jun, Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM (2017), Tài liệu tổng hợp.

khách lớn thứ năm của du lịch Việt Nam,... cho thấy những hình thức giao lưu và hội nhập văn hóa Đài - Việt ngày càng sôi động, vấn đề giáo dục tiếng Việt cho thế hệ con lai của mẹ Việt Nam và cha Đài Loan...⁸.

NHẬT BẢN

Theo Furuta Motoo, một nhà sử học và chuyên viên nghiên cứu về Việt Nam “Nhật Bản hiện nay là một quốc gia mà ngành Việt Nam học phát triển mạnh nhất, tính theo số lượng, kể từ con số nhà nghiên cứu, báo cáo khoa học cho đến cơ quan nghiên cứu”⁹.

Về góc độ học thuật, Nhật Bản nghiên cứu Việt Nam dưới những ngành học mang tên khác nhau tùy theo từng giai đoạn lịch sử với các quan điểm như sau:

- *Nghiên cứu Việt Nam theo quan niệm Đông phương học*: Theo Frédéric Roustan, những nghiên cứu có tính cách “hiện đại” về Á châu đã ra đời tại Nhật. Trong thập niên 1920, các công trình nghiên cứu phản ánh ý hướng bành trướng kinh tế mới mạnh mẽ của một số tập đoàn tư bản Nhật Bản có thể kể đến công trình *Futsuryô Indo-shina (Đông Dương thuộc Pháp)* của Maeda Hojiro, Tokyo, 1924, được tài trợ bởi Nanpo Kenkyukai (Hiệp hội Nghiên cứu về Vùng biển Nam). Do nhu cầu nảy sinh từ Chiến tranh Thái Bình Dương, Nhà nước Nhật Bản đã có những công trình nghiên cứu Việt Nam về tài nguyên thiên nhiên, giao thông, nông nghiệp, các nhóm dân tộc,... Giai đoạn hậu chiến (1945-1960) là thời kỳ hoàng kim của Nhật trong việc nghiên cứu về Việt Nam¹⁰.

- Những công trình mang ý nghĩa “khoa học thuần túy” nghiên cứu về Việt Nam có lẽ là của các nhà khoa học thực nghiệm Nhật như Matsumoto Nobuhiro (1897-1981), Fujiwara Riichiro (1915-2008 LND), đặc biệt là Yamamoto Tatsuro (1910-2001) được xem là các nhà nghiên cứu Nhật Bản tiên phong trong chuyên ngành Việt Nam học và Đông Nam Á học (Furuta, tr.18). Việt Nam học qua công trình *Nghiên cứu lịch sử An Nam* (Tokyo, 1950) của Yamamoto Tatsuro là một tác phẩm đáng ghi nhớ. Ngoài ra, những nội dung nghiên cứu Việt Nam của nhiều tác giả đã được Yamamoto biên tập thành một tác phẩm vào năm 1975. Cho đến nay công trình này vẫn được xem là tác phẩm đỉnh cao của Đông phương học Nhật Bản theo khái niệm Area studies - Khu vực học (Kitagawa, tr.11-29). Trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam, vào khoảng năm 1966, những khóa dạy tiếng Việt đầu tiên đã được khai giảng tại Đại học Keio, Đại học Ngoại ngữ Tokyo Gaidai. Chiến tranh là nguyên nhân dẫn đến việc giảng dạy tiếng Việt, đánh dấu sự khai sinh của một ngành học non trẻ là Việt Nam học và nó lớn lên không ngừng cho đến tận ngày hôm nay. Người Nhật không còn xem Việt Nam học như một vành đai của Trung Quốc học mà nghiên cứu về sự kiến thiết đất nước của người Việt qua các công trình của Gotô Kimpei, Katakura Minoru, Sakurai Yumio,... Từ thập niên 1960 cho đến nay, tại Hoa Kỳ, chấm dứt

⁸ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), Tham luận tại Hội thảo *Vấn đề dạy tiếng Việt trên thế giới và đánh giá nhu cầu học tiếng Việt tại Đài Loan*, 2011, Fu Jen Catholic University, Teipei, Taiwan.

⁹ Frédéric Roustan, Tài liệu đã dẫn.

¹⁰ Frédéric Roustan, Tài liệu đã dẫn.

chiến tranh ở Việt Nam cũng có nghĩa là chấm dứt những nghiên cứu về Việt Nam, nhưng với Nhật Bản thì ngược lại, sự kiện này đã thúc đẩy thêm cho nghiên cứu, các sinh viên của thế hệ chiến tranh Việt Nam dần dần gia nhập vào đội ngũ giảng viên đại học và trong các trung tâm nghiên cứu. Vào năm 1977, phân khoa tiếng Việt đã được khai giảng tại đại học quốc lập là Đại học Ngoại ngữ Osaka. Việc học tiếng Việt tại một đại học quốc lập mang tầm quan trọng rất lớn cho việc đào tạo các nhà nghiên cứu. Ở đây, họ có những giờ học thực sự về Việt Nam học như văn hóa, lịch sử, chính trị, pháp luật Việt Nam, khác hẳn với giáo trình của Trường Đại học Tokyo vốn chỉ chú trọng nhiều đến Đông Phương học và Văn bản học. Thêm nữa, lúc ấy có những tiến bộ trong việc nghiên cứu về ngôn ngữ học qua những bộ từ điển và sách giáo khoa dành cho người Nhật (Tomita tr.55-61). Từ sau thời kỳ Đổi mới 1986 ở Việt Nam, khả năng đặt chân đến thực địa nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Nhật Bản thuận lợi hơn. Thế hệ trẻ dưới sự dìu dắt của GS Sakurai Yumio đã có thể nghiên cứu thực địa (fieldwork) giống như một sự tìm về nguồn của Chiki kenkyuu (khu vực học), điều này đã giúp cho các nhà nghiên cứu Nhật tiếp thu tiếng Việt chuẩn xác và tạo nên những mối liên hệ chân tình với người Việt Nam. Vào năm 1990, Hội thảo về Hội An ở Đà Nẵng do Việt Nam và Nhật Bản đồng tổ chức được xem như thành quả kết tinh những cố gắng của “thế hệ chiến tranh Việt Nam” và là biểu tượng 25 năm dần thân của họ. Tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam học được quan tâm và phát triển một cách đặc biệt tại Nhật Bản. Bên cạnh việc giảng dạy tiếng Việt, nhiều trường đại học ở Nhật còn đào tạo văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, kinh tế Việt Nam, xem Việt Nam học như một chuyên ngành độc lập tại Nhật Bản¹¹. Nhiều năm qua, Việt Nam là địa bàn khảo sát của không ít đoàn nghiên cứu Nhật Bản thuộc các lĩnh vực như xã hội học, dân tộc học/nhân học, khảo cổ học, sử học, ngôn ngữ học,... như đoàn của GS Yumio Sakurai, GS Ohashi Hisashi, đoàn của các trường đại học như Trường Đại học Quốc gia Tokyo, Đại học Tokyo, Đại học Ngoại ngữ Quốc tế Kanda, Đại học Shiyuoka,...

Hiện nay nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học tại Nhật Bản giảng dạy tiếng Việt và ngành Việt Nam học, trong số đó có những trường thành lập lâu đời, do cả giảng viên người Nhật lẫn người Việt giảng dạy, như:

- Trường Trung học Quốc tế Kanto (関東国際高等学校), thành lập 1924, Bộ môn tiếng Việt được thành lập năm 2007. Học sinh học tiếng Việt như một ngoại ngữ chính từ lớp 10 đến lớp 12. Học sinh lớp 11 đi thực tế ở Việt Nam hai tuần trong năm để thực hành ngôn ngữ và hiểu về văn hóa Việt Nam.
- Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo (東京外国語大学), thành lập 1949. Khoa tiếng Việt có những sinh viên xuất sắc, luôn đoạt giải cao trong các cuộc thi tiếng Việt.
- Trường Đại học Nữ sinh Showa (昭和女子大学), thành lập 1949. Ngành tiếng Việt mới thành lập năm 2018, thuộc Khoa Quốc tế học, liên kết đào tạo với đại học ở Hà Nội.

¹¹ Frédéric Roustan, Tài liệu đã dẫn.

- Trường Đại học Osaka (大阪大学), thành lập 1931. Bộ môn tiếng Việt có nhiều sinh viên rất giỏi tiếng Việt và thường giành được giải cao trong các cuộc thi hùng biện tiếng Việt.
- Trường Đại học Ngoại ngữ Kanda (神田外語大学), thành lập 1987. Khoa tiếng Việt mở từ 2012, thuộc chuyên ngành Giao tiếp Quốc tế và các chuyên ngành ngoại ngữ. Sinh viên không chỉ học tiếng Việt mà còn học về Việt Nam học và Khu vực học qua các môn như văn hóa, lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á¹².

HÀN QUỐC

Hiện nay, Hàn Quốc là một trong những quốc gia đầu tư nhiều nhất tại Việt Nam, là đối tác có vốn đầu tư trực tiếp (FDI) nhiều dự án nhất ở Việt Nam liên tục trong 5 năm qua với tổng vốn đầu tư 61,08 tỷ USD. Có thể nói, nhu cầu học tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam học ngày càng tăng lên nhờ sự phát triển quan hệ kinh tế - văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Đặc biệt, Trường Trung học Ngoại ngữ Chungnam (Chungnam Foreign Language High school) là trường trung học duy nhất có Khoa Tiếng Việt tại Hàn Quốc. Nhiều trường đại học đã dạy tiếng Việt ở Hàn Quốc từ 30 năm nay như Trường Đại học Ngoại ngữ Korea mở Khoa Tiếng Việt và khai giảng khóa học đầu tiên vào tháng 3 năm 1967. Trường Đại học Quốc gia Seoul, Trường Đại học Ngoại ngữ Busan, Trường Đại học Hankuk (HUFS - Hankuk University of Foreign Studies) ở Seoul, Trường Đại học Quốc gia Busan, Trường Cao đẳng Ngoại ngữ Sungsim (ở Busan), Trường Đại học Chungwoon, Đại học Nữ Saok Myung,... ngoài giảng dạy tiếng Việt, còn đưa các môn học về kinh tế, lịch sử, chính trị Việt Nam vào chương trình, như một hình thức của Việt Nam học. Về nghiên cứu Việt Nam, nhiều trường như Trường Đại học Ngoại ngữ Korea, Trường Đại học Korea, Trường Đại học Ngoại ngữ Busan, Trường Đại học Hannam, Trường Đại học Chungboo, Trường Đại học Yonsei đều có Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, hoặc Trung tâm Nghiên cứu Á Châu hay Trung tâm Nghiên cứu Đông - Tây trong đó nghiên cứu về về lịch sử, kinh tế và chính trị Việt Nam. Ngoài ra, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Quốc tế (KIEP) của chính phủ Hàn Quốc cũng nghiên cứu kinh tế Việt Nam và đã có một số công trình được đánh giá cao tại Hàn Quốc¹³. Năm 1960, khi việc dạy tiếng Việt ở Hàn Quốc mới bắt đầu, người ta dùng sách của Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Quốc phòng Mỹ. Năm 1970, GS Kim Ki Tae đã xuất bản giáo trình tiếng Việt lần đầu tiên. Hiện nay, nhiều trường đại học khác ở Hàn Quốc sử dụng giáo trình của Khoa Tiếng Việt, Trường Đại học HUFS để giảng dạy.

¹² Tài liệu tổng hợp của Yumoto Haruki, HVCH tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM (2018), được tham khảo qua các website:

- Trường Trung học Quốc tế Kanto: <http://www.kantokokusai.ac.jp/>
- Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo: <http://www.tufs.ac.jp/>
- Trường Đại học Nữ sinh Showa: <https://univ.swu.ac.jp/>
- Trường Đại học Osaka: <https://www.osaka-u.ac.jp/ja>
- Trường Đại học Ngoại ngữ Kanda: <https://www.kandagaigo.ac.jp/kuis/>

¹³ GS Kim Ki Tae, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.

Một số trường ở Hàn Quốc mời giáo sư thỉnh giảng từ Việt Nam luân phiên sang dạy, chú trọng cả giọng miền Nam và giọng miền Bắc để sinh viên học được giọng nói của cả hai miền Bắc và Nam Việt Nam¹⁴.

Tại các quốc gia Đông Nam Á, nhiều trường đại học lớn cũng đào tạo tiếng Việt và nghiên cứu về Việt Nam như Trường Đại học Quốc gia Singapore (Singapore), Trường Đại học Quốc gia Malaya (Malaysia), Trường Đại học Hoàng gia Campuchia, một số trường đại học thuộc vùng Đông Bắc Thái Lan,...

LIÊN XÔ/NGA

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, Liên Xô bắt đầu dạy tiếng Việt và đào tạo chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam tại Viện các ngôn ngữ Đông Phương thuộc Trường Đại học Tổng hợp Moskva, Khoa Phương Đông thuộc Trường Đại học Tổng hợp Leningrad (nay là St.Peterbourg), Trường Quan hệ Quốc tế (MGIMO), Viện Đông Phương học thuộc Trường Đại học Quốc gia Viễn Đông, ...¹⁵. Vào những năm 50 của thế kỷ XX, GS Nguyễn Tài Cẩn là người Việt đầu tiên giảng dạy tiếng Việt tại Khoa Đông Phương (Trường Đại học Tổng hợp Leningrad). Các giảng viên của trường đại học này từng xuất bản một số công trình liên quan đến tiếng Việt, như: *Hệ thống ngữ âm tiếng Việt* của M.V. Gordina và I.S. Bystrov, *Ngữ pháp tiếng Việt* của I.S. Bystrov, Nguyễn Tài Cẩn và N.V. Stankevich, *Hệ thống ngữ pháp tiếng Việt* của V.S. Panfilov. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, tại Trường Đại học Quốc gia St Petersburg có các học giả người Nga nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, lịch sử, địa lý, dân tộc học và văn học Việt Nam. Những viện nghiên cứu khác tại St Petersburg cũng nghiên cứu Việt Nam học như Viện Đông phương học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Nga), Viện Nhân chủng học và Viện Dân tộc học¹⁶. Hiện nay, việc nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học được nhắc đến nhiều nhất ở Nga là Trường Đại học St Petersburg. Trường này được xem tiêu biểu nhất về phương pháp dạy tiếng Việt qua văn bản gốc (trước nhất là môn ngữ âm học)¹⁷.

Các quốc gia thuộc khối Đông Âu, gần gũi với Liên Xô trước đây như Ba Lan (ở đây tiếng Việt được giảng dạy tại Trường Đại học Varsava khá sớm, từ những năm 60 của thế kỷ XX. Sách dạy tiếng Việt dành cho sinh viên Ba Lan được soạn thảo từ năm 1962); Cộng hòa Sec (việc giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam học tại Trường Đại học Tổng hợp Praha khá sớm, từ những năm 60 của thế kỷ XX);... Khóa học tiếng Việt đầu tiên được tổ chức tại Trường Đại học Charles vào đầu thập niên 60 của thế kỷ XX và vẫn tiếp tục cho

¹⁴ Han Munwon, Học viên cao học Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM (2018), *Tổng hợp tài liệu*.

¹⁵ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), Tham luận tại Hội thảo *Vấn đề dạy tiếng Việt trên thế giới và đánh giá nhu cầu học tiếng Việt tại Đài Loan*, Fu Jen Catholic University, Teipei, Taiwan.

¹⁶ GS Nina V. Grigoriva, GS Đại học Saint Petersburg, Nga (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội. Tài liệu gốc: Muhlinov, Viện Dân tộc học, *Nguồn gốc và buổi sơ khai của lịch sử tộc người của dân tộc Việt Nam* (Muhlinov còn là tác giả của nhiều công trình khác về dân tộc học của Việt Nam)

¹⁷ Nina V. Grigoriva, tài liệu đã dẫn.

đến nay. Ưu điểm của các khóa học là người giảng dạy có kiến thức sâu sắc về lý thuyết và ngôn ngữ tiếng Việt. Kể từ năm 1990, chương trình dạy tiếng Việt đã thay đổi một cách cơ bản: Giai đoạn đầu kéo dài ba năm, tập trung vào thực hành tiếng, sơ khảo về lịch sử, địa lý, văn học nghệ thuật, phong tục tập quán và những khác biệt văn hóa. Giai đoạn thứ hai trong hai năm và trọng tâm sâu về ngôn ngữ, văn hóa và lịch sử Việt Nam. Khi bắt đầu giai đoạn hai, sinh viên tự tìm đề tài khóa luận tốt nghiệp cho mình...¹⁸.

ĐỨC

Tiếng Việt và Việt Nam học được giảng dạy, nghiên cứu ngày càng phát triển tại Đức qua các lĩnh vực lịch sử, kinh tế, văn hóa Việt Nam,... như tại Trường Đại học Humboldt, Berlin vào những năm 60, tại Trường Đại học Hambourg vào những năm 70, Trường Đại học Passau vào những năm 80, 90 của thế kỷ XX cho đến nay...¹⁹.

PHÁP

Trong gần một thế kỷ, Việt Nam là thuộc địa của thực dân Pháp nên đối với Pháp, nhu cầu học tiếng Việt và nghiên cứu văn hoá Việt Nam rất cao. Tại Việt Nam, một số người Pháp hoạt động văn hóa mà tên tuổi của họ còn mãi với thời gian, như Alexandre de Rhodes (nhà truyền giáo dòng Tên đã góp phần quan trọng vào việc hình thành chữ Quốc ngữ Việt Nam hiện đại), bác sĩ Yersin (người tìm ra Cao nguyên Lâm Viên), linh mục Léopold Cadière (nhà Việt Nam học kiệt xuất, dành cả đời mình nghiên cứu văn hóa Việt Nam). Nhiều trung tâm lớn đã đào tạo và nghiên cứu tiếng Việt như Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, Trường Ngôn ngữ Phương Đông ở Paris, Đại học Sorbonne, LANGIO,... Không chỉ ở Paris, tiếng Việt còn được giảng dạy ở nhiều địa phương như Bordeaux, Versailles,... Việt Nam học được hình thành, phát triển như một ngành khoa học hiện đại, với sự đóng góp của nhiều thế hệ nhà nghiên cứu Pháp nổi tiếng như H. Maspero, A.G. Haudricourt, G. Condominas, M. Ferlus, Nguyễn Phú Phong, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Phạm Đán Bình,... Hiện nay, tiếng Việt giữ vị trí quan trọng tại Pháp vì mối quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia: có 200 công ty Pháp đang hoạt động tại Việt Nam, hàng ngàn công dân Pháp đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, trên 30 vạn người Pháp gốc Việt định cư tại Pháp. Tổng thống Jacques Chirac từng phát biểu khi ông còn tại vị: "... Paris, với Viện Quốc gia về Ngôn ngữ và Văn minh Phương Đông, đã trở thành trung tâm thế giới hàng đầu về nghiên cứu ngôn ngữ và văn minh Việt Nam"²⁰.

HÀ LAN

Từ những năm 70 của thế kỷ XX, Trường Đại học Leiden và Amsterdam đã giảng dạy tiếng Việt, nghiên cứu về Việt Nam học. Hà Lan là nơi có trụ sở của Viện Quốc tế Nghiên cứu Châu Á (IIAS). Ở quốc gia này có những công trình nghiên cứu về các dân

¹⁸ TS Petre Mullerova, Đại học Charles, Praha, Cộng hòa Séc (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.

¹⁹ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), Tham luận tại Hội thảo *Vấn đề dạy tiếng Việt trên thế giới và đánh giá nhu cầu học tiếng Việt tại Đài Loan*, Fu Jen Catholic University, Teipei, Taiwan.

²⁰ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Tài liệu đã dẫn.

tộc ở Việt Nam, biên soạn Từ điển Việt - Hà Lan, Hà Lan - Việt,... Ngành tiếng Việt ở Hà Lan đang và sẽ có triển vọng tốt nhờ sự phát triển hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa Hà Lan và Việt Nam²¹.

ANH

Việc nghiên cứu Phương Đông và châu Phi (Oriental and African Studies) của Trường Đại học London tại Anh có dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam học từ những năm 70 của thế kỷ XX cho đến nay²².

ĐAN MẠCH

Tại Trường Đại học Copenhagen có Ban Đông Nam Á thuộc Trung tâm Châu Á - Thái Bình Dương. Tiếng Việt và Việt Nam học được giảng dạy và nghiên cứu tại Ban Đông Nam Á. Mời nhiều chuyên gia giỏi từ các nước Âu - Mỹ được Đan Mạch mời tới giảng dạy cũng như mời tham gia hội thảo/hội nghị về Việt Nam và Đông Nam Á. Nhu cầu học tiếng Việt tại các quốc gia thuộc khu vực Bắc Âu ngày càng cao do có cộng đồng người Việt di dân đến sinh sống từ năm 1975²³.

HOA KỲ

Do liên quan trực tiếp đến chiến tranh tại Việt Nam một thời gian dài nên Hoa Kỳ có nhu cầu cao về giảng dạy, học tiếng Việt cũng như nghiên cứu về Việt Nam từ những năm 50, 60 của thế kỷ XX. Tiếng Việt được giảng dạy ở nhiều trường đại học lớn của Hoa Kỳ như Harvard, Yale, Cornell, Hawaii, California, Maine, Bắc Illinois, Berkeley,... Một Trung tâm Việt Nam học được thành lập vào năm 1969 ở Trường Đại học Nam Illinois tại Carbondale (vùng Trung Tây nước Mỹ). Các khóa trình trong năm học được xây dựng theo ba trình độ Việt ngữ gồm có văn xuôi, thơ, kịch, lịch sử, nhân học, kinh tế học, chính trị học và một khóa riêng về truyền thống văn hóa ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Rất nhiều công trình nghiên cứu về Việt Nam được xuất bản tại Hoa Kỳ. Cộng đồng người Việt hải ngoại sinh sống đông nhất tại Hoa Kỳ so với các quốc gia khác trên thế giới, chính vì lý do này, hiện nay tiếng Việt và nghiên cứu về Việt Nam học vẫn luôn được quan tâm tại Hoa Kỳ²⁴.

ÚC (AUSTRALIA)

Úc là một trong những quốc gia đồng minh của Mỹ, quân đội Úc từng tham chiến tại Việt Nam, chính vì vậy, việc giảng dạy tiếng Việt ưu tiên phát triển. Tiếng Việt và nghiên cứu về Việt Nam bắt đầu tại các trường đại học lớn như Trường Đại học Quốc gia Australia, Trường Đại học Công nghệ, Trường Đại học Victoria,... từ những năm 60-70 của thế kỷ XX. Ngành Giáo dục tại mỗi tiểu bang ở Úc đã soạn thảo riêng cho tiểu bang giáo trình dạy tiếng Việt khác nhau, ví dụ tiểu bang Victoria có “LOTE Framework K-10”, “Study Design”,... Nhiều Việt kiều tại Úc tham gia giảng dạy, biên soạn giáo trình dạy

²¹ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Tài liệu đã dẫn.

²² PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Tài liệu đã dẫn.

²³ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Tài liệu đã dẫn.

²⁴ PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Tài liệu đã dẫn.

tiếng Việt. Hiện nay, người Úc được khuyến khích học tiếng Việt vì những lý do như quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa Úc và Việt Nam ngày càng phát triển; ngoài ra, do tại Úc có cộng đồng rất đông người Việt định cư tại quốc gia này²⁵. Người Việt tại Úc là một cộng đồng mạnh xét về ngôn ngữ hơn là về kinh tế. Hiện nay, Việt ngữ là một trong 14 ngoại ngữ ưu tiên trong hệ thống giáo dục ở Úc từ cấp tiểu học đến cao đẳng, đại học. Ngoài Anh ngữ, tiếng Việt là một trong năm ngôn ngữ thông dụng ở gia đình²⁶. Vai trò của các ngôn ngữ ưu tiên ở Úc đang trải qua quá trình được xã hội nhìn nhận. Tiếng Việt sẽ là một ngôn ngữ của sự phát triển kinh tế và chính trị của Úc trong thế kỷ XXI và người Việt tại Úc cũng như tại Việt Nam phải cùng thúc đẩy những chương trình nghiên cứu Việt ngữ tại Úc Châu²⁷. Sau năm 1975 đến nay, cộng đồng người Việt sinh sống khá đông tại Úc. Theo số liệu của Census 2016, tổng số người Việt sinh sống tại Úc gồm 277 ngàn người, trong đó, tập trung đông nhất ở tiểu bang Victoria với trên 103 ngàn người, kế đến là tại New South Wales với khoảng gần 103 ngàn người. Người Việt thế hệ di dân không muốn con cháu mình đánh mất cội nguồn nên việc học thêm tiếng Việt hay sử dụng tiếng Việt ở nhà vẫn luôn được họ chú trọng. Ngoài ra, nhu cầu học tiếng Việt cũng cần để phục vụ bộ phận cư dân người Việt tại Úc, ví dụ, chính phủ Úc quan tâm đào tạo đội ngũ giảng viên người Việt ở Úc về Việt Nam để cập nhật, nâng cao tiếng Việt và Việt Nam học để trở về Úc giảng dạy. Khoa Việt Nam học (Trường Đại học KHXH&NV TP HCM) từng tham gia đào tạo các giảng viên người Úc gốc Việt của các trường đại học và trung học ở bang Adelaid (Nam Úc) thuộc chương trình này²⁸.

Community News dẫn nghiên cứu của GS Loretta Baldassar, nhà nhân học và xã hội học của Trường Đại học Tây Australia (UWA), từ dữ liệu tổng điều tra dân số năm 2016, tại thành phố Swan ở Tây Úc có 2.870 cư dân ở Swan nói tiếng Việt, nguyên nhân do số lượng cư dân gốc Việt ở thành phố Swan đã tăng thêm hơn 600 người trong vòng 10 năm qua. Lượng người gốc Việt gia tăng khiến tiếng Việt trở thành ngoại ngữ phổ biến nhất ở thành phố Swan sau tiếng Anh. Bà Baldassar đưa ra nhận định việc bảo tồn ngôn ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với bản sắc văn hóa, tuổi tác, mối quan hệ giữa các thế hệ và sự gắn kết với quê hương. Còn Thị trưởng thành phố Swan, ông David Lucas cho rằng thành phố tự hào về sự đa dạng văn hóa vẫn đang ngày càng phát triển. Theo ông: *“Việc công nhận và coi trọng các nền văn hóa đa dạng và khác biệt nhau là rất quan trọng vì chúng làm phong phú thêm văn hóa của thành phố bằng việc giới thiệu các truyền thống, âm nhạc, ẩm thực, sở thích và tín ngưỡng mới, làm tăng cường sự đổi mới và thịnh vượng”*²⁹.

²⁵ PGS.TS Nguyễn Văn Huệ, Tài liệu đã dẫn.

²⁶ Theo Tin tức nước Úc (Alouc.com), 28/6/2017, hiện nay sau tiếng Anh, các ngôn ngữ khác xếp theo thứ tự tại Úc như tiếng Quan thoại thứ hai, tiếng Ả Rập thứ ba, tiếng Việt và tiếng Quảng Đông thứ tư. Như vậy, tiếng Việt là ngôn ngữ phổ biến thứ tư tại Úc.

²⁷ GS Phan Văn Giưỡng, Đại học Kỹ thuật Victoria, Australia (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.

²⁸ Anh Ngọc (2017), “Tiếng Việt trở thành ngoại ngữ phổ biến nhất ở một thành phố Australia”, <https://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/tieng-viet-tro-thanh-ngoai-ngu-pho-bien-nhat-0-mot-thanh-pho-australia-3687290.html>. Nguồn: Community News (Australia).

²⁹ Anh Ngọc (2017), “Tiếng Việt trở thành ngoại ngữ phổ biến nhất ở một thành phố Australia”,

Điềm qua tình hình học tiếng Việt và nghiên cứu về Việt Nam học tại nhiều quốc gia trên thế giới có thể thấy, việc học tiếng Việt và nghiên cứu về Việt Nam không chỉ trong thời kỳ chiến tranh mà còn cả giai đoạn sau chiến tranh cho đến nay, có thể nói, Việt Nam luôn là một vấn đề được quan tâm khá sâu rộng. Tiếng Việt được tiếp tục giảng dạy ở các quốc gia từng có quá trình truyền đạo Công giáo, từng liên quan đến chiến tranh Việt Nam cùng những quốc gia khác có quan hệ kinh tế, chính trị, ngoại giao với Việt Nam, bao gồm giảng dạy cho người nước ngoài, giảng dạy cho cộng đồng người Việt, lai Việt định cư ở các quốc gia khác nhau,... Hiện nay, tình hình kinh tế ở Việt Nam phát triển dần do nhiều quốc gia đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Hàng trăm quốc gia tìm đến với Việt Nam vì an ninh, chính trị ổn định, thị trường đông dân, nhiều tài nguyên thiên nhiên, xã hội giàu tiềm năng, do đó, hoạt động kinh tế đã đẩy mạnh nhu cầu giảng dạy, học tập tiếng Việt và Việt Nam học tại nhiều quốc gia trên thế giới. Về mặt học thuật, việc giảng dạy, nghiên cứu tiếng Việt và Việt Nam học luôn gắn với Khu vực học, thể hiện từ các đặc điểm về lịch sử, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Ngọc (2017), “Tiếng Việt trở thành ngoại ngữ phổ biến nhất ở một thành phố Australia”, <https://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/tieng-viet-tro-thanh-ngoai-ngu-pho-bien-nhat-o-mot-thanh-pho-australia-3687290.html>.
2. Frédéric Roustan (2005), “Khái lược ngành Việt học (Việt Nam học) ở Nhật Bản”, Nguyễn Nam Trân biên dịch, Tham luận tại *Hội thảo khoa học về Á châu - Réseau - Asie* ngày 28-30 tháng 9 năm 2005 tại Paris.
3. Han Munwon, Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV TP HCM (2018), *Tài liệu tổng hợp*.
4. Kim Ki Tae, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.
5. Long Dian Jun, Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM (2017), *Tài liệu tổng hợp*.
6. Nguyễn Văn Hiệu, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), Tham luận tại Hội thảo *Vấn đề giảng dạy tiếng Việt ở Đài Loan*, Fu Jen Catholic University, Teipei, Taiwan.
7. Nina V. Grigoriva, GS Đại học Saint Petersburg, Nga (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.
8. Petre Mullerova, Đại học Charles, Praha, Cộng hòa Séc (1998), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.

9. Phan Thị Yến Tuyết (2018), Tập bài giảng môn học *Khu vực học và Việt Nam học* (Chương trình sau đại học), Khoa Việt Nam học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM.
10. Phan Văn Giưỡng, Đại học Kỹ thuật Victoria, Australia (1998), *Kỹ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học* (tóm tắt báo cáo), NXB Thế Giới, Hà Nội.
11. Tin tức nước Úc, <https://alouc.com/tin-nuoc-uc/tieng-viet-la-ngon-ngu-pho-bien-thu-4-tai-uc>, cập nhật ngày 28/6/2017.
12. Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê (BNEWS/TTXVN - Báo online của Thông tấn xã Việt Nam) và Báo điện tử của Đài Tiếng nói Việt Nam (2018), “35,46 tỷ USD vốn FDI vào Việt Nam năm 2018”, <https://vov.vn/kinh-te/thi-truong/3546-ty-usd-von-fdi-vao-viet-nam-nam-2018-856161.vov>.
13. Toplist (2017), “Top 10 Quốc gia có vốn đầu tư trực tiếp (FDI) nhiều nhất ở Việt Nam”, <https://toplist.vn/top-list/quoc-gia-co-von-dau-tu-truc-tiep-fdi-nhieu-nhat-o-viet-nam-13468.htm>
14. Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học*, NXB Giáo Dục.
15. Yuemoto Haruki, HVCH Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV TP HCM (2018), *Tài liệu tổng hợp*.